

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHỨC DANH CHUYỀN TRÁCH ĐẢNG

Số TT	Họ và tên	Số báo danh	Điểm thi				Điểm ưu tiên	Tổng số điểm [2]+[3]+[6] +[7]	
			Viết	Vấn đáp	Kỹ năng máy tính				
					Tốc độ	Độ chính xác [%]			Điểm quy đổi
[1]			[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
1	NGUYỄN TRÍ DŨNG	CV012	7.75	8	27	98	1.00	1	17.75
2	NGUYỄN THỊ DIỄM THÚY	CV082	7.75	8	40	96	2.00		17.75
3	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	CV117	8.5	7	31	96	1.00	1	17.50
4	LÊ ĐỒNG LAN	CV049	6.5	9	28	96	1.00	1	17.50
5	HỒ MINH HOÀNG	CV037	7.38	8	28	93	1.00	1	17.38
6	BÙI THỊ NHƯ THỦY	CV083	7.5	8	24	85	0.50	1	17.00
7	VŨ AN TỊNH	CV085	6.75	8	29	91	1.00	1	16.75
8	TRẦN NGUYỄN THÀNH CÔNG	CV007	6.63	8	33	95	1.00	1	16.63
9	HOÀNG ĐÌNH HÙNG	CV044	7.63	7	29	95	1.00	1	16.63
10	PHAN THỊ PHƯƠNG MAI	CV051	5.5	8	35	97	2.00	1	16.50
11	NGUYỄN THỊ GIANG	CV022	7	8	23	93	0.50	1	16.50
12	TRẦN THỊ HỒNG LOAN	CV050	6.88	8	24	93	0.50	1	16.38
13	TRẦN THIÊN SƠN VŨ	CV101	7	7	28	93	1.00	1	16.00
14	NGUYỄN VĂN AN	CV001	5.88	8	26	97	1.00	1	15.88
15	LÝ HOÀNG NAM	CV058	7.25	7	20	93	0.50	1	15.75
16	NGUYỄN VĂN NAM	CV060	5.5	8	26	96	1.00	1	15.50
17	HỒ THỊ THU HÀ	CV027	7.38	6	27	95	1.00	1	15.38

Số TT	Họ và tên	Số báo danh	Điểm thi					Điểm ưu tiên	Tổng số điểm [2]+[3]+[6] +[7]
			Viết	Vấn đáp	Kỹ năng máy tính				
					Tốc độ	Độ chính xác [%]	Điểm quy đổi		
[1]			[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
18	LÝ KIM	CV063	6.25	8	33	94	1.00		15.25
19	HUỲNH THỊ MỸ	CV064	6.25	7	32	96	1.00	1	15.25
20	NÔNG THỊ HOÀI	CV041	5.75	8	20	93	0.50	1	15.25
21	HUỲNH GIA	CV021	6.13	8	18	92	0.00	1	15.13
22	NGUYỄN TÙNG	CV046	6.13	7	14	95	0.00	2	15.13
23	HÀ VĂN	CV088	6.5	7	24	97	0.50	1	15.00
24	ĐÌNH CAO	CV072	6.75	7	12	85	0.00	1	14.75
25	NGUYỄN HỒNG	CV098	6.25	7	23	92	0.50	1	14.75
26	LÊ QUANG	CV059	6.13	7	22	96	0.50	1	14.63
27	NGUYỄN THỊ HUỲỀN	CV086	7.63	5	29	97	1.00	1	14.63
28	TRẦN THỊ	CV076	5.63	7	25	97	1.00	1	14.63
29	TRẦN THỊ CẨM	CV099	5.5	7	32	90	1.00	1	14.50
30	THÁI THỊ THU	CV033	5.25	8	32	98	1.00		14.25
31	NGUYỄN THỊ NHẬT	CV036	6.25	6	25	90	1.00	1	14.25
32	TRẦN MINH	CV127	6.25	6	25	97	1.00	1	14.25
33	HỒ VIỆT	CV004	6.00	6	14	92	0.00	2	14.00
34	LỮ THỊ THÚY	CV024	5	7	30	95	1.00	1	14.00
35	HOÀNG HOA SƠN	CV075	6.75	5	30	90	1.00	1	13.75